

Số: 1503/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý
của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Văn bản số 484/SVHTTDL-VP ngày 23/6/2015 (kèm theo ý kiến kiểm soát chất lượng của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1004/STP-KSTT ngày 19/6/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Tĩnh.

(Có danh mục TTHC và nội dung kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành và thay thế Quyết định: Số 1014/QĐ-UBND ngày 16/4/2012, số 3278/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư Pháp;
- Đ/c Bí thư, các Đ/c PBT Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VX;
- Gửi:
 - + Bản giấy: TW, TU, HĐND, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp;
 - + Bản điện tử: Các thành phần còn lại.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiện



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ÁP DỤNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày 16/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

PHẦN I

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO		
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.	5
2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker.	6
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình.	9
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động vũ đạo giải trí.	11
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn.	13
6	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao.	19
7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam.	21
8	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt.	24
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ.	26
10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ.	29

11	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động tập luyện quyền anh.	32
12	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo.	34
13	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Lân Sư Rồng.	37
14	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Judo.	40
15	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bóng đá.	42
16	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bóng bàn.	45
17	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động cầu lông.	47
18	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Patin.	49
19	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Mô tô nước trên biển.	52
20	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bóng chuyên	61
21	Đề nghị công nhận ban vận động thành lập Hội cổ động viên thể thao.	62
22	Cho phép tổ chức hoạt động thi đấu xe đạp thể thao tại Việt Nam	67
23	Cho phép tổ chức hoạt động thi đấu mô tô thể thao.	70
24	Phê duyệt điều lệ giải thi đấu thể thao từng môn.	73
25	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.	74
26	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.	76
27	Thành lập Liên đoàn Thể thao.	77
28	Cấp Giấy phép mở lớp dạy võ thuật.	78
II. LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN		
1	Cấp giấy phép lưu hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu.	79
2	Cấp nhãn kiểm soát băng, đĩa ca nhạc, sân khấu.	82
3	Cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật.	85
4	Cấp văn bản phê duyệt nội dung trước khi nhập khẩu các loại	

	sản phẩm nghe nhìn không phải là tác phẩm điện ảnh.	88
5	Cấp giấy phép công diễn (biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang).	92
III. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA		
1	Cấp giấy phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam.	95
2	Cấp chứng chỉ hành nghề mua, bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	100
3	Cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	103
4	Cấp giấy phép khai quật khảo cổ khẩn cấp.	104
5	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập.	111
6	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập.	116
7	Xếp hạng Bảo tàng hạng II, III.	119
8	Thẩm định hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh.	121
9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	122
IV. LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIỆP ẢNH, TRIỂN LÃM		
1	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc cấp tỉnh.	126
2	Thẩm định hồ sơ dự toán xây dựng tranh, tượng đài phân mỹ thuật dưới 300 triệu đồng (đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước).	129
3	Cấp giấy phép đối với Triển lãm ảnh tại địa phương do cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức.	130
4	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phân mỹ thuật dưới 300 triệu đồng.	133
5	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tổ chức tại địa phương do cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức.	135
V. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ		
1	Cấp giấy phép tổ chức lễ hội (đối với trường hợp tổ chức lần đầu).	139
2	Cấp giấy phép tổ chức lễ hội (đối với lễ hội được tổ chức sau nhiều năm gián đoạn).	142
3	Cấp giấy phép tổ chức lễ hội (đối với lễ hội được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi nội dung, địa điểm).	144
4	Cấp giấy phép tổ chức lễ hội (đối với lễ hội được du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam).	145
5	Cấp giấy phép tổ chức cuộc thi Hoa khôi, Người đẹp cấp tỉnh.	148
6	Cấp giấy phép kinh doanh Vũ trường.	151

7	Cấp giấy phép nhập khẩu văn hoá phẩm.	154
VI. LĨNH VỰC DU LỊCH		
1	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.	157
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.	161
3	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp thay đổi tên gọi, trụ sở, nội dung hoạt động.	162
4	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy.	164
5	Giã hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.	166
6	Cấp, đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.	170
7	Cấp giấy xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch.	173
8	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh.	176
9	Công nhận điểm du lịch cấp tỉnh.	177
10	Công nhận tuyến du lịch cấp tỉnh.	178
11	Thẩm định hồ sơ cấp mới, cấp lại biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	179
12	Đăng ký tổ chức hội chợ triển lãm.	183
13	Đăng ký xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (3-5 sao).	183
14	Đăng ký xếp hạng lại cơ sở lưu trú du lịch (3-5 sao).	190
15	Đăng ký xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (1-2 sao).	192
16	Đăng ký xếp hạng lại cơ sở lưu trú du lịch (1-2 sao).	196
17	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.	198
18	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.	200
19	Đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch.	204
20	Cấp mới thẻ thuyết minh viên du lịch.	207
21	Cấp lại thẻ thuyết minh viên du lịch.	208
22	Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.	210
VII. LĨNH VỰC QUẢNG CÁO		
1	Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.	215
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.	219
3	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.	223
4	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn.	227